

**TÒA ÁN NHÂN
DÂNÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án 06/2018/HSST

Ngày 29/01/2018

**NHÂN DÂN ANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI TỈNH THÁI BÌNH
T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến và bà Phan Thị Hạnh
Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải tỉnh Thái Bình.

Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2018 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2017/HSST ngày 25 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-HSST ngày 15/01/2018 đối với các bị cáo:

1, **Trần Văn T**, sinh ngày: 07/7/1975.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã N2, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 09/12. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Họ và tên bố: Trần Anh Q, sinh năm 1936. Họ và tên mẹ: Phan Thị Th, sinh năm 1942. Vợ: Phạm Thị Ng có 02 con: con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2012, gia đình có sáu anh em, bị cáo là con nhỏ nhất. Tiền sự: 01 tiền sự ngày 19/6/2017 bị Công an huyện Tiên Hải xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Tiền án: Không. Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 12/10/2017 đến ngày 21/10/2017 sau đó chuyển Tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt Tại phiên Tòa.

2. Họ và tên: **Đoàn Văn T1**, sinh ngày: 12/01/1984.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Z, xã N2, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự Do. Bố: Đoàn Văn Nh, sinh năm: 1963. Mẹ: Đoàn Thị Ng3, sinh năm: 1964. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con lớn. Vợ: Vũ Thị D2, sinh năm: 1992. Con: có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 12/10/2017 sau chuyển Tạm giam đến ngày 15/11/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo Tại ngoại có mặt Tại phiên Tòa.

3. **Đình Văn H**, sinh ngày: 24/8/1990.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L1, xã N1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không Văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự Do. Bố: Đình Văn Ng, sinh năm: 1968. Mẹ: Phạm Thị Th1, sinh năm: 1971. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn. Vợ: Trần Thị Ch, sinh năm 1990. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 12/10/2017 đến ngày 21/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo Tại ngoại có mặt Tại phiên Tòa.

4. **Nguyễn Mạnh L**, sinh ngày: 30/3/1988.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự Do. Bố: Nguyễn Văn L4, sinh năm: 1964. Mẹ: Đào Thị C4, sinh năm: 1967. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 12/10/2017 đến ngày 21/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo Tại ngoại có mặt Tại phiên Tòa.

5. **Đoàn Văn T3**, sinh ngày: 14/2/1986

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự Do. Bố: Đoàn Văn Ng5 (đã chết) Mẹ: Vũ Thị Th5, sinh năm: 1950. Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 7. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 12/10/2017 đến ngày 21/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo Tại ngoại có mặt Tại phiên Tòa.

6. **Trần Xuân T4**, sinh ngày: 20/3/1972

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L1, xã N1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 03/10. Nghề nghiệp: Lao động tự Do. Bố: Trần Dương H6, sinh năm: 1933. Mẹ: Đặng Thị Th6 (đã chết). Gia đình có 09 anh em, bị cáo là con thứ 8. Vợ: Trần Thị Ch6, sinh năm: 1975. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 12/10/2017 đến ngày 21/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo Tại ngoại có mặt Tại phiên Tòa.

7. Họ và tên: **Trần Văn D**, sinh ngày: 22/8/1982

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự Do. Bố: Trần Văn M7, sinh năm: 1954. Mẹ: Phạm Thị L7, sinh năm: 1956. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 02. Vợ: Bùi Thị Ph7, sinh năm: 1987. Con có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 12/10/2017 đến ngày 21/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo Tại ngoại có mặt Tại phiên Tòa.

8. Nguyễn Văn H, sinh ngày: 12/7/1984

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự Do. Bố: Nguyễn Xuân V8 (đã chết) Mẹ: Cao Thị Nh8, sinh năm: 1952. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 04. Vợ: Nguyễn Thị Đ8, sinh năm: 1989. Con có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 12/10/2017 sau chuyển Tạm giam đến ngày 15/11/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo Tại ngoại có mặt Tại phiên Tòa.

9. Nguyễn Đức L, sinh ngày: 04/3/1987

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự Do. Bố: Nguyễn Đức M9, sinh năm: 1931. Mẹ: Lê Thị L9, sinh năm: 1953. Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ 04. Vợ: Nguyễn Thị U9, sinh năm 1988. Bị cáo có 01 con sinh năm 2013. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 12/10/2017 đến ngày 21/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo Tại ngoại có mặt Tại phiên Tòa.

10. Lương Văn K, sinh năm : 1960

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 4/10. Nghề nghiệp: Lao động tự Do. Bố: Lương Văn Th10 (đã chết). Mẹ: Nguyễn Thị Kh10 (đã chết). Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ 04. Vợ: Bùi Thị H10, sinh năm: 1961. Con có 02 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1984. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tạm giữ từ ngày 12/10/2017 đến ngày 21/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo Tại ngoại có mặt Tại phiên Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến Tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14^h00' ngày 11/10/2017, Đoàn Văn T1, Đoàn Văn T3, Đinh Văn H và 02 người đàn ông không rõ tên địa chỉ ngồi chơi tại

đền Mẫu thuộc địa phận thôn Y, xã N2. Trong lúc ngồi chơi, cả bọn rủ nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. T1 lấy chiếc kéo trên bàn uống nước cắt 01 quân vị thì thấy trong bát điều (Dùng để hút thuốc lào) có 04 quân vị nên T1 lấy 03 quân vị trong bát điều và 01 quân vị vừa cắt để lên trên mặt bàn, H lấy bộ bát đĩa ở đền mang ra chơi. Cả nhóm chơi được khoảng 15 phút thì lần lượt có Trần Xuân T4, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức L, Đoàn Xuân Vinh, sinh năm 1979, ở thôn Y, xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Mạnh L, Trần Văn D, Trần Văn T, Lương Văn K. Đoàn Xuân V ngồi xem còn các đối tượng cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa. Người cầm cái là người đặt 04 quân vị lên trên đĩa, dùng bát úp kín, cầm tay lắc 04 quân vị trong bát, đĩa, sau đó những người chơi bạc chọn chắn hoặc lẻ và đặt tiền vào cửa, cá cược với nhau mức tiền từ 10.000 đồng trở lên, khi mở bát ra nếu 04 quân vị hoặc 02 quân vị trên đĩa giống nhau là chắn, người chọn mặt chắn thắng và được nhận số tiền bằng số tiền đã dùng để đánh mặt chắn, người chọn mặt lẻ mất số tiền đã chơi và ngược lại nếu có 03 quân vị cùng màu và 01 quân vị khác màu là lẻ, người chọn mặt lẻ thắng, người chọn mặt chắn thua. Quá trình chơi ban đầu H là người cầm cái sau đó chuyển sang T cầm cái. Cả nhóm chơi đánh bạc đến khoảng 16^h30, cùng ngày thì bị Công an huyện Tiền Hải phát hiện, bắt quả tang, khi phát hiện thấy lực lượng Công an, các đối tượng đã cầm hết tiền ở dưới chiếu dẫu vào trong người. Công an huyện Tiền Hải đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 10 đối tượng trên, lập biên bản quản lý thu giữ tại chiếu bạc 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếc kéo màu vàng, 01 quân vị được cắt từ lá bài tứ lơ khơ, trên người các đối tượng tham gia đánh bạc tổng số tiền 23.640.000 đồng, 08 chiếc điện thoại di động và 05 xe mô tô. Trong đó thu của Trần Văn T 11.800.000 đồng, Đinh Văn H 5.900.000 đồng, Nguyễn Đức L 1.320.000 đồng, Nguyễn Văn H 1.300.000 đồng, Nguyễn Mạnh L 1.200.000 đồng, Đoàn Văn T1 1.020.000 đồng, Đoàn Văn T3 700.000 đồng, Lương Văn K 200.000 đồng, Trần Xuân T4 200.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 9.840.000 đồng, cụ thể số tiền của từng đối tượng như sau:

- Trần Văn T khai mang theo 12.150.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 5.650.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi đã bỏ ra 200.000 đồng và cho H vay 400.000 đồng, đến khi bị bắt T thắng thêm 50.000 đồng.

- Đoàn Văn T1 khai mang theo 1.050.000 đồng để đánh bạc, T1 bỏ ra 30.000 đồng để chơi, khi bị bắt T1 thua 30.000 đồng.

- Nguyễn Mạnh L khai mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thắng thêm 200.000 đồng.

- Đoàn Văn T3 khai mang theo 700.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi đã bỏ ra 200.000 đồng, đến khi bị bắt thì không thắng, không thua.

- Nguyễn Văn H khai mang theo 1.500.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Ngoài ra, khi bị thua hết 200.000 đồng, H vay của T 400.000 đồng để đánh bạc và bị thua.

- Trần Xuân T4 khai mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi bị thua 300.000 đồng.

- Nguyễn Đức L khai mang theo 1.320.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 320.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thắng thêm 100.000 đồng thì L cho D để đánh bạc.

- Đinh Văn H khai mang theo 5.200.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thắng thêm 700.000 đồng.

- Lương Văn K khai mang theo 200.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi không thắng, cũng không thua.

- Trần Văn D khai không mang theo tiền, quá trình chơi L cho 100.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết.

Bản cáo trạng số 04/KSĐT ngày 25/12/2017 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải đã truy tố bị cáo Trần Văn T, Đoàn Văn T1, Đinh Văn H, Đoàn Văn T3, Nguyễn Mạnh L, Nguyễn Văn H, Trần Xuân T4, Nguyễn Đức L, Lương Văn K, Trần Văn D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai thêm tình tiết mới. Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình. Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên Tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại Diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trần Văn T, Đoàn Văn T1, Đinh Văn H, Đoàn Văn T3, Nguyễn Mạnh L, Nguyễn Văn H, Trần Xuân T4, Nguyễn Đức L, Lương Văn K, Trần Văn D theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp Dụng khoản 1 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Đoàn Văn T1, Đinh Văn H, Nguyễn Mạnh L, Đoàn Văn T3, Trần Xuân T4, Trần Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức L, Lương Văn K phạm tội “Đánh bạc”. Áp Dụng: Khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điều 45, điều 33, điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự cho bị cáo Trần Văn T. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 04 tháng tù đến 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày Tạm giữ. Áp Dụng: Khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1, 2 điều 46, điều 45, khoản 1, 2 điều 60, điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đoàn Văn T1. Áp Dụng: Khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 45, khoản 1, 2 điều 60, điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo Đinh Văn H, Nguyễn Mạnh L. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T1 03 tháng tù đến 05 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm. Xử phạt bị cáo Đinh Văn H 03 tháng tù đến 05 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử

thách là 01 năm. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh L 03 tháng tù đến 05 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm. Áp Dụng khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điều 31, điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo Đoàn Văn T3, bị cáo Trần Xuân T4. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T3 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 9 ngày Tạm giữ bằng 27 ngày cải Tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 08 tháng 03 ngày đến 11 tháng 03 ngày, khấu trừ thu nhập 200.000 đồng/ tháng. Xử phạt bị cáo Trần Xuân T4 09 đến 12 tháng cải Tạo không giam giữ, được trừ 9 ngày Tạm giữ bằng 27 ngày cải Tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 08 tháng 03 ngày đến 11 tháng 03 ngày, khấu trừ thu nhập 200.000 đồng/ tháng. Áp Dụng khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 31, điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự cho bị cáo Trần Văn D. Xử phạt bị cáo Trần Văn D 09 tháng đến 12 tháng cải Tạo không giam giữ, được trừ 9 ngày Tạm giữ bằng 27 ngày cải Tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 08 tháng 03 ngày đến 11 tháng 03 ngày, khấu trừ thu nhập 200.000 đồng/ tháng. Áp Dụng khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 30 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo Nguyễn Văn H, Lương Văn K. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 05 đến 07 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Xử phạt bị cáo Lương Văn K từ 05 đến 07 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Áp Dụng khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 30 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Đức L. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L từ 05 đến 07 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Phạt bổ sung các bị cáo T, T3, T4, D mỗi bị cáo 03 đến 05 triệu đồng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, các bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội Dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: [1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Tiền Hải, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong qua trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Lời khai nhận tội của các bị cáo trong hồ sơ vụ án và Tại phiên Tòa hôm nay phù H với các chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang Do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải lập hồi 16h30' ngày 11/10/2017 Tại đền Mẫu ở thôn Y, xã N2.

Sơ đồ vị T ngồi Do các bị cáo Đinh Văn H, Nguyễn Mạnh L tự vẽ. Các biên bản quản lý vật chứng Do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải lập ngày 11/10/2017 Tại đền Mẫu, thôn Y, xã N2, huyện Tiền Hải. Lời khai của người làm chứng là anh Đoàn Xuân Vinh. Lời khai của chính các bị cáo tham gia đánh bạc là Trần Văn T, Đoàn Văn T1, Nguyễn Mạnh L, Nguyễn Văn H, Trần Xuân T4, Nguyễn Đức L, Đoàn Văn T3, Đinh Văn H, Lương Văn K, Trần Văn D nên đã đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/10/2017, Tại đền Mẫu thôn Y, xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình Công an huyện Tiền Hải phát hiện và bắt quả tang Trần Văn T, Đoàn Văn T1, Nguyễn Mạnh L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức L, Đoàn Văn T3, Lương Văn K, Trần Văn D đều ở xã N2, Đinh Văn H, Trần Xuân T4 đều ở xã N1 đang có hành vi đánh bạc Dưới hình thức chơi xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Quá trình chơi H và T là người cầm cái, quy ước tiền đặt cửa thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất không giới hạn, thu giữ trên người các đối tượng số tiền 23.640.000 đồng, trong đó xác định số tiền dùng vào việc đánh bạc là 9.840.000 đồng, 01 bộ bát đĩa bằng sứ, 01 chiếc kéo, 01 quân vị cùng một số vật chứng khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo để lên mức án đối với từng bị cáo cho phù H, hành vi của các bị cáo đã thỏa thuận được thua bằng tiền để đánh bạc.

Đối với bị cáo Trần Văn T trong vụ án này tham gia đánh bạc đã dùng số tiền nhiều nhất vào việc đánh xóc đĩa là 5.650.000 đồng. Quá trình đánh xóc đĩa T là người cầm cái đến khi cơ quan điều tra Công an huyện Tiền Hải bắt quả tang. Do đó vai trò của bị cáo T xếp thứ nhất trong vụ án. Bị cáo T có tiền sự, Do đó phải cách ly xã hội một thời gian.

Đối với bị cáo Đoàn Văn T1, bị cáo Đinh Văn H và bị cáo Nguyễn Mạnh L thì thấy bị cáo T1 dùng 1.050.000 đồng đánh xóc đĩa và là người cắt quân vị, bị cáo H dùng số tiền vào việc đánh xóc đĩa là 200.000 đồng nhưng khi bắt đầu đánh xóc đĩa bị cáo H cầm cái được 15 phút sau đó chuyển cho bị cáo T cầm cái. Bị cáo Nguyễn Mạnh L dùng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Do đó vai trò của ba bị cáo T1, bị cáo H và bị cáo L ngang nhau và xếp thứ hai trong vụ án. Bị cáo T1, bị cáo H và bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự có nơi cư trú rõ ràng nên có thể cho các bị cáo T1, H, L hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo.

Đối với bị cáo T3, bị cáo T4, bị cáo D các bị cáo đều tham gia đánh xóc đĩa , tuy nhiên số tiền các bị cáo Dùng vào việc đánh bạc là khác nhau nhưng chênh lệch không lớn, bị cáo T3 Dùng vào việc đánh bạc 700.000 đồng, bị cáo T4 Dùng vào việc đánh bạc 500.000 đồng, bị cáo D Dùng vào việc đánh bạc 100.000 đồng. Do đó vai trò của bị cáo T3, bị cáo T4, bị cáo D xếp ngang nhau

và xếp thứ ba trong vụ án, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 31 Bộ luật hình sự xử phạt cho cả ba bị cáo mức án cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập của ba bị cáo trong thời gian ba bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là phù H với quy định của pháp luật, do cả ba bị cáo đều đã bị tạm giữ, tạm giam nên được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Ba bị cáo T3, T4, D là lao động phổ thông nên Hội đồng xét xử khấu trừ thu nhập đối với ba bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 300.000 đồng/ 01 tháng là phù H với quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Nguyễn Đức L, bị cáo Lương Văn K thì thấy bị cáo H dùng số tiền 600.000 đồng, bị cáo L dùng số tiền 320.000 đồng, bị cáo K dùng số tiền 200.000 đồng đều để đánh xóc đĩa, Do đó vai trò của các bị cáo H, bị cáo L, bị cáo K đều ngang nhau và xếp thứ tư trong vụ án. Các bị cáo H, bị cáo L, bị cáo K đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 30 Bộ luật hình sự phạt tiền đối với ba bị cáo H, L, K cáo là phù H với tính chất mức độ và hành vi phạm tội Do các bị cáo gây ra là phù H với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu T1 tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Điều 248. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định Tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Điều 321 Tội Đánh bạc (Bộ luật hình sự năm 2015)

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định Tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo T, T1, H, T3, L, H, T4, L, K, D được hưởng tình tiết giảm nhẹ “T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định Tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo T1 đã tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2003 đến năm 2005, bị cáo L đã tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2005 đến năm 2007, bị cáo D đã tham gia nghĩa vụ

quân sự từ năm 2001 đến năm 2003 nên bị cáo T1, bị cáo L và bị cáo D được áp dụng thêm khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T1, H, L, H, L, K được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo quy định Tại điểm h khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách Kn hồng nhân đạo của Nhà nước ta.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 điều 248 phạt tiền đối với bốn bị cáo Trần Văn T, Đoàn Văn T3, Trần Xuân T4, Trần Văn D mỗi bị cáo 3.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước là phù H với quy định của pháp luật. Các bị cáo T1, H, L, H, L, K có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo 01 bộ bát đĩa sứ, 01 quân vi, 01 kéo màu vàng đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với khoản tiền 9.840.000 đồng cơ quan điều tra đã thu trên chiếu bạc, đây là khoản tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc Do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với khoản tiền 6.500.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo T đây là khoản tiền của bị cáo T không dùng vào việc đánh bạc, nên cần tuyên trả cho bị cáo T là phù H. Đối với khoản tiền 1.300.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo H đây là khoản tiền của bị cáo H không dùng vào việc đánh bạc, nên cần tuyên trả cho bị cáo H là phù H. Đối với khoản tiền 1.000.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo L đây là khoản tiền bị cáo L không dùng vào việc đánh bạc, nên cần tuyên trả cho bị cáo L là phù H. Đối với khoản tiền 5.000.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo H đây là khoản tiền bị cáo H không dùng vào việc đánh bạc, nên cần tuyên trả cho bị cáo H là phù H. Đối với 08 chiếc điện thoại di động cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo T4, bị cáo L, bị cáo H, bị cáo T3, bị cáo D, bị cáo T1, bị cáo H, bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận cơ quan điều tra Công an huyện Tiền Hải đã trả lại cho bị cáo T4 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Goly, trả cho bị cáo L 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng, trả cho bị cáo H 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu đen, trả cho bị cáo T3 01 chiếc điện thoại Iphone 6s plus màu hồng, trả cho bị cáo D 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung J3 màu xám, trả cho bị cáo T1 01 chiếc điện thoại Samsung A5 màu xám, trả cho bị cáo H 01 chiếc điện thoại Samsung J2 màu xám, trả cho bị cáo T 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng. Đối với 05 chiếc xe moto, Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo T4, bị cáo L, bị cáo H, bị cáo T3, bị cáo L không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận cơ quan điều tra Công an huyện Tiền Hải đã trả lại cho bị cáo T4 01 xe máy Dream biển kiểm soát 17B8- 00475, trả cho bị cáo L 01 xe máy Wawe anpha màu đỏ biển kiểm soát 17M8- 2931, trả cho bị cáo H 01 xe máy Wawe anpha Biển kiểm soát 17B1- 28841, trả cho bị cáo T3 01 xe máy SH màu trắng biển kiểm soát 17b8-

23768, trả cho bị cáo L 01 xe máy Sirius biển kiểm soát 17B8- 13354 là phù H với quy định của pháp luật.

[6]. Các vấn đề khác trong vụ án: Trong vụ án này Trần Văn T cho Nguyễn Văn H vay 400.000 đồng để đánh bạc nhưng T không làm tín dụng (không lấy lãi, không cầm cố tài sản) của H, T không rủ rê, lôi kéo các đối tượng đến đền để đánh bạc nên Cơ quan điều tra khởi tố Trần Văn T về tội đánh bạc là phù H. Ngoài ra, các đối tượng khai nhận còn có khoảng 02 người tham gia đánh bạc nhưng đã chạy thoát. Quá trình điều tra, các đối tượng đều khai nhận không biết tên, địa chỉ của những người này nên không có cơ sở để điều tra, xác minh, xử lý. Đối với Đoàn Xuân V, sinh năm 1979, ở thôn Y, xã N2 là người cũng có mặt tại đền Mẫu khi các đối tượng đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền. Tuy nhiên quá trình điều tra đã xác định anh Vinh không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Vinh là phù H. Đối với ông Nguyễn Ngọc S3, sinh năm 1956, ở thôn Y, xã N2, huyện Tiên Hải là người được giao nhiệm vụ trông coi đền Mẫu, quá trình điều tra xác định ông S3 không biết việc các đối tượng đánh bạc Tại đền, không thu tiền gì của các đối tượng và cũng không tổ chức canh coi hay cầm cố tài sản, không được hưởng lợi gì từ việc để cho các đối tượng đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Sơn là phù H.

[7]. Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[8]. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội Danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Đoàn Văn T1, Đinh Văn H, Nguyễn Mạnh L, Đoàn Văn T3, Trần Xuân T4, Trần Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức L, Lương Văn K phạm tội “Đánh bạc”

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Áp Dụng: Khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điều 45, điều 33, điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự cho bị cáo Trần Văn T.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2017.

- Áp Dụng: Khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1, 2 điều 46, điều 45, khoản 1, 2 điều 60, điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đoàn Văn T1.

Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn T1** 03 (Ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/01/2018.

- Áp Dụng: Khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 45, khoản 1, 2 điều 60, điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo Đinh Văn H, Nguyễn Mạnh L.

Xử phạt bị cáo **Đinh Văn H 03** (Ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/01/2018.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Mạnh L 03** (Ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/01/2018.

Giao bị cáo T1, L cho Ủy ban nhân dân N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giám sát giáo Dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo T1, L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Tại khoản 1, điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân N1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giám sát giáo Dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Tại khoản 1, điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp Dụng khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điều 31, điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo Đoàn Văn T3, bị cáo Trần Xuân T4.

Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn T3 09** (Chín) tháng cải Tạo không giam giữ, được trừ 9 ngày Tạm giữ bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải Tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày, thời gian chấp hành hình phạt cải Tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ấn định thời gian người chấp hành có mặt Tại Ủy ban nhân dân xã N2. Khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo T3 chấp hành hình phạt cải Tạo không giam giữ là 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Đoàn Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải Tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo **Trần Xuân T4 09** (Chín) tháng cải Tạo không giam giữ, được trừ 9 ngày Tạm giữ bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải Tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày, thời gian chấp hành hình phạt cải Tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Tiền Hải ấn định thời gian người chấp hành có mặt Tại Ủy ban nhân dân xã N1. Khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo T4 chấp hành hình phạt cải Tạo không giam giữ là 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Trần Xuân T4 cho

Ủy ban nhân dân xã N1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo Dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải TẠO không giam giữ.

- Áp Dụng khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 31, điều 20, điều 53 Bộ luật hình sự cho bị cáo Trần Văn D.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn D** 09 (Chín) tháng cải TẠO không giam giữ, được trừ 9 ngày Tạm giữ bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải TẠO không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày, thời gian chấp hành hình phạt cải TẠO không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Tiền Hải ấn định thời gian người chấp hành có mặt Tại Ủy ban nhân dân xã N2. Khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo D chấp hành hình phạt cải TẠO không giam giữ là 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Trần Văn D cho Ủy ban nhân dân xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải TẠO không giam giữ.

- Áp Dụng khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 30 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo Nguyễn Văn H, Lương Văn K.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xử phạt bị cáo **Lương Văn K** 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Áp Dụng khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 30 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Đức L.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức L** 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Áp Dụng khoản 3 điều 248 Bộ luật hình sự: Phạt tiền các bị cáo Trần Văn T, Đoàn Văn T3, Trần Xuân T4, Trần Văn D mỗi bị cáo 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp Dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bát đĩa sứ, 01 quân vị, 01 kéo màu vàng. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 9.840.000 đồng (Chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) trên chiếu bạc Do các bị cáo Dùng vào việc đánh bạc. Trả lại bị cáo Trần Văn T 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Trả lại bị cáo Nguyễn Đức L 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Trả lại bị cáo Đinh Văn H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nhưng tiếp tục quản lý số tiền trên của các bị cáo T, H, L và H để đảm bảo thi hành án. *(Toàn bộ số vật chứng trên Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án D sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2017).* Chấp nhận cơ quan điều tra Công an huyện Tiền Hải đã trả lại cho bị cáo T4 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Goly, trả cho bị cáo L 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng, trả lại cho bị

cáo H 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu đen, trả cho bị cáo T3 01 chiếc điện thoại Iphone 6s plus màu hồng, trả cho bị cáo D 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J3 màu xám, trả cho bị cáo T1 01 chiếc điện thoại Samsung A5 màu xám, trả cho bị cáo H 01 chiếc điện thoại Samsung J2 màu xám, trả cho bị cáo T 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng. Chấp nhận cơ quan điều tra Công an huyện Tiền Hải đã trả lại cho bị cáo T4 01 xe máy Dream biển kiểm soát 17B8-00475, trả cho bị cáo L 01 xe máy Wawe anpha màu đỏ biển kiểm soát 17M8-2931, trả lại cho bị cáo H 01 xe máy Wawe anpha biển kiểm soát 17B1- 28841, trả cho bị cáo T3 01 xe máy SH màu trắng biển kiểm soát 17B8- 23768, trả cho bị cáo L 01 xe máy Sirius biển kiểm soát 17B8- 13354.

4. Về án phí: Áp dụng điều 23 nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trần Văn T, Đoàn Văn T1, Đinh Văn H, Đoàn Văn T3, Nguyễn Mạnh L, Nguyễn Văn H, Trần Xuân T4, Nguyễn Đức L, Lương Văn K, Trần Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo Trần Văn T, Đoàn Văn T1, Đinh Văn H, Đoàn Văn T3, Nguyễn Mạnh L, Nguyễn Văn H, Trần Xuân T4, Nguyễn Đức L, Lương Văn K, Trần Văn D biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/01/2018).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.
- VKSND, huyện Tiền Hải.
- Công an, huyện Tiền Hải.
- THA, huyện Tiền Hải.
- UBND xã N2.
- UBND xã N1.
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh